

Bản án số: 510/2023/DS-PT

Ngày: 16/10/2023

V/v: *Tranh chấp thừa kế tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Chu Tuấn Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký
Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn
Bách Thiện Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2023/TLPT-DS ngày
16/3/2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2022/DS-ST ngày 11/10/2022 của
Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 431/2023/QĐ-PT
ngày 28/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 453/QĐPT-HPT ngày
09/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Toàn, sinh năm 1947

Trú tại: Số 37C, Ngõ 376, Tổ 8, phường Đức Giang, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Trọng Quýnh, sinh năm 1949

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà
Nội.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn
Thành, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Đại Bàng, xã Nguyên Khê, huyện Đông
Anh, Thành phố Hà Nội (*Theo Giấy ủy quyền ngày 17/5/2022*).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Lưu Ngọc
Thanh - Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Gia Thành, thuộc Đoàn Luật
sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Thôn Đại Bàng, xã Nguyên Khê,
huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Văn Phát, sinh năm 1956;

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà
Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phát:* Bà Nguyễn Thị Tính, sinh năm 1955 và anh Đỗ Lâm Anh, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Số 1/24/19, phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội (*Theo Giấy ủy quyền số công chứng 4644, Quyển số 06 ngày 18/12/2021*).

3.2. Bà Đỗ Thị Phan, sinh năm 1960;

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.3. Chị Đỗ Thị Thúy Quỳnh, sinh năm 1980 (*con ông Quýnh*);

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.4. Chị Đỗ Thị Quyên, sinh năm 1982 (*con ông Quýnh*);

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.5. Chị Đỗ Thị Quang, sinh năm 1985 (*con ông Quýnh*);

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.6. Chị Đỗ Thị Hoàn, sinh năm 1989 (*con ông Quýnh*);

Trú tại: Thôn Thiết Bình, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.7. Bà Nguyễn Thị Hảo, sinh năm 1960 (*con ông Thuý*);

Trú tại: Tổ 3, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3.8. Ông Nguyễn Văn Lộng, sinh năm 1963 (*con ông Thuý*);

Trú tại: Tổ 4, phường Lương Châu, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3.9. Bà Nguyễn Thị Tý, sinh năm 1975 (*con ông Thuý*);

Trú tại: Thôn Hà Khê, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.10. Bà Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1976 (*con ông Thuý*);

Trú tại: Tổ 1, phường Mơ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3.11. Bà Nguyễn Thị Tính, sinh năm 1955 (*vợ ông Phát*);

Trú tại: Số 1/24/19, phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

3.12. Cụ Đỗ Văn Thoan, sinh năm 1932 (*Do ông Đỗ Văn Thuyên, sinh năm 1957 là con trai đại diện*);

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.13. Ông Đỗ Đình Đạt, sinh năm 1944 (*đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy*);

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.14. Cụ Đỗ Thiện Thuật, sinh năm 1935 (*Do ông Đỗ Quang Tốn, sinh năm 1954 là con trai đại diện*);

Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3.15. Ông Đào Đình Luân, sinh năm 1942 (*con cụ Đạo*);

- Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.16. Ông Đào Đình Canh, sinh năm 1955 (*con cụ Đạo*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.17. Ông Đào Quang Tuệ, sinh năm 1958 (*con cụ Đạo*);
Trú tại: Số 208, Tổ 19, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.18. Bà Đào Thị Tâm, sinh năm 1960 (*con cụ Đạo*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.19. Bà Đào Thị Sự, sinh năm 1964 (*con cụ Đạo*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.20. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, sinh năm 1955 (*con cụ Đức*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.21. Ông Nguyễn Văn Ngọc, sinh năm 1962 (*con cụ Đức*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.22. Bà Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1968 (*con cụ Đức*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.23. Ông Nguyễn Thanh Long, sinh năm 1959 (*con cụ Đức*);
Trú tại: Thôn Kim Sơn, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.
- 3.24. Bà Nguyễn Thị Thuỷ, sinh năm 1966 (*con cụ Đức*);
Trú tại: Thôn Kim Sơn, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.
- 3.25. Chị Lại Thu Trang, sinh năm 1989 (*con bà Phan*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.26. Cháu Nguyễn Đăng Minh, sinh ngày 16/07/2010 (*con chị Trang và do chị Trang đại diện*);
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.27. Ông Đào Đình Văn, sinh năm 1975;
Trú tại: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
- 3.28. Văn phòng công chứng Đông Anh;
Địa chỉ liên hệ: Số 68, đường Cao Lỗ, Tổ 2, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thơ, Trưởng Văn phòng.
- 3.29. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank);

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

Chi nhánh huyện Đông Anh; Địa chỉ liên hệ: Tổ 4, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân Long - Giám đốc Agribank chi nhánh Đông Anh (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Hùng - Giám đốc Phòng giao dịch Vân Hà chi nhánh Đông Anh (Theo Giấy ủy quyền số 902/UQ-NHNo.ĐA ngày 03/10/2022).

Do có kháng cáo của ông Đỗ Trọng Quýnh là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Toàn trình bày:

* Về huyết thống:

Bố mẹ bà là cụ Đỗ Văn Toại và cụ Nguyễn Thị Thực, có 03 người con chung là:

- Ông Đỗ Văn Thúc, sinh năm 1934, đã chết ngày 03/02/1996. Trong kháng chiến chống Pháp năm 1946, trên đường tản cư lên Thái Nguyên ông Thúc bị thất lạc, được một gia đình họ Nguyễn ở xã Lương Châu, huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên nhận làm con nuôi và khai họ tên là Nguyễn Văn Thúc. Năm 1954, khi nhận được thông tin, gia đình bà có lên xin đón ông Thúc về, nhưng bố mẹ nuôi không đồng ý nên ông Thúc tiếp tục ở lại và đi lại cả hai bên.

Ông Thúc có vợ là bà Trương Thị Chỉ, sinh năm 1933 (đã chết ngày 12/04/2018); ông bà có 04 người con là: Chị Hảo, anh Lộng, chị Hòa (đang sinh sống trên Thái Nguyên) và chị Tý (đang ở nhà chồng tại thôn Hà Khê, xã Vân Hà).

- Bà là Đỗ Thị Toàn.

- Ông Đỗ Trọng Quýnh, sinh năm 1949. Ông Quýnh có vợ là bà Nguyễn Thị Ván (đã chết năm 2011); có 04 người con gái đều đã lấy chồng ở cùng xã Vân Hà là: Chị Quỳnh, chị Quyên, chị Quang và chị Hoàn.

Ngoài ra, bố mẹ bà không có người con nuôi, con riêng nào khác.

Mẹ bà là cụ Thực chết năm 1950. Đến năm 1953, bố bà lấy vợ hai là cụ Lê Thị Kỳ, quê ở: Thôn Ngọc Lôi, xã Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội. Hai cụ sinh được 05 người con nhưng có 03 người là ông Quát, ông Chúc và bà Phan đều chết từ khi còn nhỏ. Còn lại 02 người là ông Phát và bà Phan, hiện đang sinh sống ở: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Bà có ông nội là cụ Đỗ Quang Tiến, đã chết năm 1961; bà nội là cụ Nguyễn Thị Bón, đã chết ngày 03/09/1979 âm lịch. Hai cụ có 05 người con là các cụ: Đỗ Văn Chuy, Đỗ Văn Toại, Đỗ Thiện Thuật, Đỗ Thị Đạo và Đỗ Thị Đức.

Cụ Chuy đã chết từ năm 1953; hiện có các con đang sinh sống ở thôn Thiết Úng, xã Vân Hà là: Ông Thoan, ông Đạt, bà Thiều. Ông Thoan đã già

yếu, lẫn lộn, không còn minh mẫn, có con trai là ông Thuyền sinh năm 1958 ở cùng thôn.

Cụ Thuật hiện đã gần 90 tuổi sức khỏe yếu, không còn minh mẫn. Có con trai trưởng là ông Tồn sinh năm 1954, hiện đang ở cùng thôn.

Cụ Đạo đã chết năm 2008, có chồng là cụ Đào Đình Dậu đã chết năm 2010; hiện các con của hai cụ là: Ông Đào Đình Luân, ông Đào Đình Canh, bà Đào Thị Tâm và bà Đào Thị Sự đang sinh sống ở thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà; Ông Đào Quang Tuệ đang sinh sống ở tổ 19, thị trấn Đông Anh.

Cụ Đức đã chết năm 2018, có chồng là cụ Nguyễn Văn Nghĩa đã chết năm 1985; hiện các con của hai cụ là: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Hải đang sinh sống ở thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà. Ông Nguyễn Thanh Long và bà Nguyễn Thị Thuỷ đang sinh sống tại thôn Kim Sơn, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

* Về tài sản thừa kế:

- Sinh thời, bố mẹ bà là cụ Toại và cụ Thực có tài sản chung là 01 ngôi nhà ngói 05 gian xây gạch, khung mái làm bằng gỗ lim và lợp ngói cùng các công trình phụ làm trên 01 thửa đất ở rộng 247m², nay là thửa số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà. Nguồn gốc nhà, đất là của ông bà nội bà là cụ Tiến, cụ Bốn cho. Khi còn sống, cụ Bốn ở cùng với bố mẹ bà tại nhà đất trên. Sau khi cụ Thực chết, cụ Toại lấy cụ Kỳ về thì hai cụ cùng các con ở 01 gian buồng, cụ Bốn và chị em bà ở 01 gian buồng. Một thời gian sau, bố bà và cụ Kỳ mua thửa đất của gia đình ông Tiêm ở bên cạnh cho mẹ con cụ Kỳ chuyển sang ở riêng.

Hai gia đình cụ Chuy, cụ Thuật cũng được ông bà nội bà chia cho nhà đất khác trong thôn để ở riêng từ khi các cụ còn sống. Cụ Đạo và cụ Đức đều lấy chồng cùng thôn và ở tại nhà chồng.

Sau khi cụ Toại và cụ Bốn chết, bà đi làm công nhân ở xa, nhà đất của bố mẹ do ông Quýnh quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng nhà đất, vợ chồng ông Quýnh, bà Ván có tu sửa ngôi nhà, nâng nền nhà và sân cao hơn so với trước và làm mới các công trình phụ trên đất như hiện nay.

- Đối với thửa đất hiện hai gia đình ông Phát, bà Phan sử dụng thuộc khu đồng Lối, thôn Thiết Ứng có nguồn gốc của cụ Nhi là mẹ đẻ cụ Kỳ cho từ khi bố bà còn sống, nay thuộc cánh đồng Lối, thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà. Trước đây, hai cụ vẫn canh tác trồng lúa và rau màu hàng năm. Năm 1981, do mâu thuẫn giữa ông Quýnh và mẹ con cụ Kỳ căng thẳng, cụ Kỳ đã bán nhà đất trong làng cho vợ chồng ông Phúc bà Lan để lấy tiền ra làm nhà và ở trên thửa đất này cho đến nay. Năm 2008, sau khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để mở rộng đường giao thông, ông Phát và bà Phan đã tự thỏa thuận chia nhau sử dụng diện tích đất còn lại để ở như hiện nay. Bà xác định thửa đất là tài sản chung của cụ Toại và cụ Kỳ và đưa vào di sản thừa kế của các cụ để chia.

Bố mẹ bà và cụ Kỳ đều đã chết và không để lại di chúc về tài sản. Bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của các cụ là nhà, đất có tại: Thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà hiện đang do các gia đình ông Quýnh, ông Phát và bà Phan

quản lý, sử dụng cho các thừa kế của ba cụ cùng hưởng và chia bằng hiện vật là đất ở để bà có nơi làm nhà ở, thờ cúng bố mẹ cho đến cuối đời.

Bị đơn trong vụ án là ông Đỗ Trọng Quýnh không nộp (gửi) ý kiến bằng văn bản cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc bị khởi kiện cho Tòa án; Từ chối khai báo khi Tòa án đến lấy lời khai tại nhà riêng; Không tham gia vào quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1/ Ông Đỗ Văn Phát nhất trí với lời khai của bà Đỗ Thị Toàn về quan hệ hôn nhân, huyết thống của bố mẹ; Về tài sản của các cụ để lại là nhà đất gia đình ông Quýnh đang quản lý, sử dụng. Ông khai thêm:

Trong thời gian mẹ con ông ở chung nhà với cụ Toại và cụ Bốn, bà Toàn, ông Quýnh không được cụ Bốn và các thành viên trong họ chấp nhận. Cụ Toại là giáo viên có lương hàng tháng nhưng đều do cụ Bốn nắm giữ để nuôi chị em bà Toàn, ông Quýnh. Mẹ con ông không được sự hỗ trợ nào của cụ Toại mà phải tự bươn chải, làm ăn và sự giúp đỡ của bên ngoại để lo cho cuộc sống của mình, song vẫn bị cụ Bốn và các con của vợ cả hắt hủi, vì cho rằng ông và bà Phan không phải là con cụ Toại. Từ đó, hai bên thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Ông bà ngoại ông là cụ Lê Văn Khôi, cụ Ngô Thị Nhi thấy mẹ con ông khổ quá mới cho tiền mua đất của gia đình ông Tiêm làm nhà ở riêng. Khoảng cuối năm 1979 đầu năm 1980, giữa ông Quýnh với mẹ con ông xảy ra xô xát, hai bên có vác dao chém nhau nên mâu thuẫn rất căng thẳng. Mẹ con ông phải chuyển ra ở tạm trong túp lều tại góc ruộng của bà ngoại, một thời gian sau mẹ ông mới bán nhà đất trong làng cho vợ chồng ông Phúc bà Lan lấy tiền sửa chữa, nâng cấp túp lều thành ngôi nhà tạm để ở. Năm 2008, nhà nước thu hồi một phần của thửa đất để mở rộng đường giao thông nên diện tích còn là 488m². Năm 2013, sau khi cụ Kỳ chết, ông và bà Phan đã tự thỏa thuận chia nhau và sử dụng đất ổn định đến nay, trong đó: Ông sử dụng 288m²; Bà Phan sử dụng 200m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa anh em ông không tranh chấp với nhau thửa đất này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xác định, nhà đất mà mẹ ông bán cho ông Phúc bà Lan và thửa ruộng đều là của ông bà ngoại cho mẹ ông, không liên quan đến cụ Toại nên ông không chấp nhận là tài sản chung của bố mẹ ông để chia thừa kế như bà Toàn yêu cầu.

Đối với tài sản của cụ Toại hiện đang do gia đình ông Quýnh quản lý, sử dụng thì ông có quan điểm: Trường hợp, quyền sử dụng đất ruộng ông và bà Phan đang quản lý, sử dụng được xác định là tài sản riêng của mẹ ông, không đưa vào tài sản chung với cụ Toại để chia thừa kế như bà Toàn yêu cầu, thì ông tự nguyện không yêu cầu hưởng mà để cho các con của cụ Thực chia nhau. Trường hợp Tòa án xác định diện tích đất đó là tài sản chung của cụ Toại, cụ Kỳ và đưa vào chia thừa kế thì ông đề nghị được chia hưởng như các con cụ Thực. Ông và bà Phan tiếp tục sử dụng diện tích đất ruộng đang sử dụng như hiện nay.

2/ Bà Đỗ Thị Phan trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với lời khai và quan điểm của ông Phát về việc giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan đã nêu

trên. Bà cũng nhất trí không yêu cầu hưởng phần tài sản là nhà, đất gia đình ông Quýnh đang quản lý, sử dụng mà để cho các con của cụ Thực chia nhau. Đối với diện tích đất ruộng bà đang sử dụng, bà đã bán cho ông Đào Đình Văn là người trong làng sử dụng 88m², hiện còn hơn 100m² bà làm nơi ở. Việc mua bán đất giữa bà và ông Văn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Bà Nguyễn Thị Tính trình bày: Bà kết hôn với ông Phát đầu năm 1979. Vợ chồng ở cùng nhà đất với cụ Kỳ, bà Phan liền kề phía Đông của nhà đất bố con cụ Toại và cụ Bốn ở. Cuối năm 1979, khi bà sinh con đầu lòng được ít ngày thì xảy ra việc mẹ con cụ Kỳ, ông Phát với ông Quýnh đánh, cãi chửi nhau căng thẳng. Ông Đỗ Thiện Thuật là chú ruột còn tuyên bố ông Phát, bà Phan không phải là con của cụ Toại, đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà đang lúc trời mưa to, gió lớn. Mẹ con bà mang thóc lên gửi nhờ trong nhà thờ họ Đỗ gần đó cho khỏi ướt, ông Thân là trưởng họ không dám cho gửi vì ông Thuật không đồng ý.

Thửa đất của cụ Kỳ hiện đang do hai gia đình bà và bà Phan ở nguyên là đất ruộng của cụ Ngô Thị Nhi là mẹ cụ Kỳ cho canh tác lấy thóc và trồng rau để mẹ con nuôi nhau, cụ Kỳ có làm túp lều nhỏ ở góc ruộng để trông nom hoa màu. Khi bên nội đuổi không cho mẹ con bà ở gần ông Quýnh, thì cả gia đình phải chuyển ra đó ở cho đến nay. Trước khi chết, cụ Kỳ đã lập di chúc cho ông Phát, bà Phan cùng sử dụng thửa ruộng và hai bên đã tự chia nhau sử dụng ổn định nhiều năm nay, không tranh chấp gì.

Từ khi về làm dâu cụ Kỳ, bà không thấy chị em bà Toàn, ông Quýnh ở cùng, chăm sóc và nuôi dưỡng cụ Kỳ ngày nào. Khi cụ chết cũng chỉ có ông Phát, bà Phan lo tang ma, ông Quýnh và bà Toàn không đến chịu tang, phúng viếng gì.

4/ Các con của ông Nguyễn Văn Thúy là: Bà Nguyễn Thị Hảo, ông Nguyễn Văn Lộng, bà Nguyễn Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Tý cùng có lời khai thống nhất về quan hệ huyết thống của ông Thúy. Nhất trí với lời khai và quan điểm của bà Toàn về chia thừa kế tài sản của cụ Toại, cụ Thực và cụ Kỳ theo quy định của pháp luật thừa kế. Phần của ông Thúy được chia hưởng bao nhiêu giao cho ông Lộng đại diện nhận và đề nghị được chia tài sản bằng hiện vật là đất ở để làm nơi thờ cúng các cụ trong gia đình và bố mẹ vì ông Lộng là con, cháu trưởng trong gia đình.

5/ Các con của ông Đỗ Trọng Quýnh, bà Nguyễn Thị Vần là: Đỗ Thị Thúy Quỳnh, Đỗ Thị Quyên, Đỗ Thị Quang và Đỗ Thị Hoàn cùng có lời khai xác định: Nhà đất ông Quýnh đang ở có nguồn gốc của các cụ trong gia đình để lại. Quá trình quản lý, sử dụng nhà đất, bố mẹ các chị có tu sửa, nâng cấp ngôi nhà, tôn nền sân cao hơn so với trước khoảng 1,2m và làm các công trình phụ trên đất để sử dụng như hiện nay. Năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận mang tên ông Quýnh là chủ sử dụng nên nhà, đất không còn là tài sản thừa kế của các cụ nữa và không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Toàn. Trường hợp theo quy định của pháp luật mà phải chia nhà, đất đó thì các chị đề nghị Tòa án xem xét đến công sức của bố mẹ

các chị trong việc sửa chữa, nâng cấp và quản lý nhà đất, mức độ bao nhiêu là do Tòa án xem xét, giải quyết.

6/ Ông Đỗ Đình Đạt khai: Nhà đất ông Quýnh đang ở là của ông bà nội ông là cụ Đỗ Quang Tiến và cụ Nguyễn Thị Bốn để lại cho gia đình cụ Toại sử dụng. Ông đề nghị Tòa án không chia thừa kế cho các con cụ Toại mà giữ lại để làm nơi thờ cúng tổ tiên, các cụ trong gia đình.

7/ Ông Đỗ Quang Tồn là con trai cả của cụ Đỗ Thiện Thuật khai xác định: Nhà đất của gia đình ông Quýnh đang ở là của các cụ trong gia đình để lại cho ông bà nội ông là cụ Tiến, cụ Bốn. Khi còn sống, các cụ đã phân chia cho vợ chồng cụ Toại. Cụ Truy và cụ Thuật bố ông cũng được các cụ cho đất, nhà ở riêng rồi nên khi gia đình ông Quýnh ở đã sửa sang, nâng cấp nhà cửa, làm các công trình phụ trên đất để ở như hiện nay và được nhà nước cấp “sổ đỏ” đất thì đó là tài sản của gia đình ông Quýnh. Ông thay mặt cụ Thuật là bố để ông không đòi hỏi quyền lợi gì liên quan đến tài sản của gia đình cụ Toại và ông Quýnh.

8/ Các con cụ Đỗ Thị Đạo là: Ông Đào Đình Luân, ông Đào Đình Canh, ông Đào Quang Tuệ, bà Đào Thị Tâm và bà Đào Thị Sự và các con cụ Đỗ Thị Đức là: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Thanh Long, ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Thuỷ và bà Nguyễn Thị Hải đều có quan điểm không yêu cầu chia hưởng tài sản của ông bà ngoại là cụ Đỗ Quang Tiến, cụ Nguyễn Thị Bốn mà để cho các con, cháu bên nội của các cụ chia nhau.

9/ Chị Lại Thu Trang trình bày: Chị là con gái duy nhất của bà Đỗ Thị Phan. Từ khi sinh ra, lớn lên cho đến nay chị đều ở cùng mẹ và bà ngoại trên thửa đất ruộng hiện nay. Tài sản trên đất là của bà Phan làm nên có công sức đóng góp của chị. Chị đồng quan điểm với bà Phan, ông Phát và ông Văn trong việc giải quyết tranh chấp giữa các bên.

10/ Ông Đào Đình Văn khai xác định: Năm 2017, ông có mua của bà Đỗ Thị Phan diện tích 88m² với giá 880.000.000 đồng. Do đất chưa có giấy chứng nhận nên hai bên chỉ làm giấy tờ viết tay và giao nhận tài sản cho nhau. Ông đã đầu tư xây 01 nhà cấp 4 trên đất trị giá 400.000.000 đồng và sử dụng ổn định cho đến nay. Giữa ông và gia đình bà Phan không tranh chấp với nhau về việc mua bán đất nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp yêu cầu chia thừa kế của bà Toàn đối với diện tích đất của gia đình bà Phan đã bán cho ông được chấp nhận, ông đề nghị Tòa án bảo vệ quyền về tài sản của ông theo quy định của pháp luật.

11/ Văn phòng công chứng Đông Anh có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án xác định: Việc công chứng Văn bản thỏa thuận về phân chia di sản thừa kế và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bố con ông Đỗ Trọng Quýnh ngày 25/06/2016 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về công chứng. Tại thời điểm công chứng không có bất cứ tranh chấp nào nên việc công chứng các văn bản đó của Văn phòng công chứng Đông Anh là hợp pháp. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền cho các bên liên quan.

12/ Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đông Anh là ông Nguyễn Thanh Hùng trình bày: Ngày 24/8/2017, Agribank chi nhánh Đông Anh – Phòng giao dịch

Vân Hà và bà Đỗ Thị Thúy Quỳnh có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, số công chứng 1397/TC/2016 tại Văn phòng công chứng Đông Anh, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay của ông Đàm Hồng Sỹ theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV0202021748 ngày 17/04/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 115, tờ bản đồ số 2, diện tích 247m², tại địa chỉ: Thôn Thiết Úng xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 503951 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 21/06/2004 mang tên hộ gia đình ông Đỗ Trọng Quýnh (Ngày 12/07/2016, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đông Anh xác nhận để thừa kế và tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Đỗ Thị Thúy Quỳnh, theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 116/VBTTPCDS/2016 và Hợp đồng tặng cho số 1017/HĐTC/2016 lập tại Văn phòng công chứng Đông Anh ngày 25/06/2016). Việc thế chấp được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Khoản vay của ông Đàm Hồng Sỹ đã tắt toán, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, chủ tài sản chưa lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ngân hàng chưa giải chấp tài sản. Ngân hàng sẽ tiến hành giải chấp tài sản nêu trên khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2022/DS-ST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện thừa kế về tài sản của bà Đỗ Thị Toàn đối với ông Đỗ Trọng Quýnh.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Toàn về chia thừa kế đối với diện tích 488m² đất nông nghiệp trị giá 65.880.000đ có tại thửa số 3, tờ bản đồ số F-48A 104 (236-11), thuộc địa chỉ: Đồng Lôi, thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. Xác định vợ chồng cụ Đỗ Văn Toại, cụ Nguyễn Thị Thực và cụ Lê Thị Kỳ có tài sản chung là quyền sử dụng 231,7m² đất ở (thực đo) có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, trị giá: 2.780.400.000đ và ngôi nhà ngói 05 gian trị giá: 81.392.000đ. Tổng cộng là: 2.861.792.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn Phát và bà Đỗ Thị Phan không yêu cầu chia hưởng thừa kế tài sản của cụ Lê Thị Kỳ. Tài sản được chia cho cụ Đỗ Văn Toại và cụ Nguyễn Thị Thực mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ là: 1.430.896.000đ.

4. Xác định di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế và phân chia di sản thừa kế như sau:

4.1. Cụ Nguyễn Thị Thực có tài sản là: 1.430.896.000đ.

Trích cho cụ Toại hưởng công sức trong việc bảo quản, duy trì tài sản của cụ Thực bằng 01 kỷ phần thừa kế là: 286.179.200đ. Tài sản của cụ Thực còn để chia là: 1.144.716.800đ.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Thực là ngày 03/11/1950, cụ không để lại di chúc, tài sản được chia cho hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ gồm 04 người là: Cụ Đỗ Văn Toại, ông Nguyễn Văn Thúy, bà Đỗ Thị Toàn và ông Đỗ Trọng Quýnh mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 286.179.200đ.

4.2. Cụ Đỗ Văn Toại có tài sản là: 1/2 tài sản chung với cụ Thực 1.430.896.000đ + Trích hưởng công sức 286.179.200đ + 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ. Cộng: 2.003.254.400đ

Trích công sức cho gia đình ông Đỗ Trọng Quynh trong việc tôn tạo, nâng cấp và quản lý, duy trì tài sản thừa kế của cụ Toại tương đương 01 kỷ phần thừa kế là: 250.406.800đ. Tài sản của cụ Toại còn để chia thừa kế là: 1.752.847.600đ.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Toại là ngày 28/02/1978, cụ không để lại di chúc về tài sản, thừa kế được chia theo pháp luật cho 07 người là: Cụ Bốn, cụ Kỳ, ông Thuý, bà Toàn, ông Quynh, ông Phát và bà Phan.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phát, bà Phan không yêu cầu chia hưởng thừa kế tài sản của cụ Toại, cụ Kỳ. Tài sản của cụ Toại được chia cho 04 người là: Cụ Bốn, ông Thuý, bà Toàn và ông Quynh mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 1.752.847.600đ: 4 = 438.211.900đ.

- Cụ Nguyễn Thị Bốn chết ngày 03/9/1979, cụ không để lại di chúc về tài sản, thừa kế được chia theo pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của: Cụ Đỗ Thiện Thuật (Do ông Đỗ Quang Tôn làm giám hộ); Ông Đào Đình Luân, ông Đào Đình Canh, ông Đào Quang Tuệ, bà Đỗ Thị Tâm, bà Đỗ Thị Sự (Là các con của cụ Đỗ Thị Đạo); Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Thành Long, ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Hải (Là các con của cụ Đỗ Thị Đức) không yêu cầu chia hưởng tài sản của cụ Nguyễn Thị Bốn. Tài sản của cụ Bốn được chia cho cụ Đỗ Văn Chuy (do ông Đỗ Đình Đạt đại diện) và các con của cụ Toại là: Ông Nguyễn Văn Thuý, bà Đỗ Thị Toàn, ông Đỗ Trọng Quynh mỗi bên hưởng một phần bằng nhau là 219.105.950đ.

Bà Toàn, ông Thuý (Do ông Lộng đại diện nhận) và ông Quynh mỗi người hưởng 1/3 là: 219.105.950đ: 3 = 73.035.316đ.

5. Các bên được chia tài sản như sau:

5.1. Bà Đỗ Thị Toàn được chia tài sản là: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại: 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn: 73.035.316đ. Cộng: 797.426.416đ, làm tròn số là 797.426.400đ.

5.2. Ông Đỗ Trọng Quynh được chia tài sản là: Trích hưởng công sức : 250.406.800đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại: 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn: 73.035.316đ. Cộng: 1.047.833.216đ, làm tròn số là: 1.047.833.200đ. Tổng cộng tài sản ông Đỗ Trọng Quynh có là: Tài sản được chia hưởng thừa kế: 1.047.833.300đ; tài sản gia đình ông có trên đất: 43.453.300đ. Cộng: 1.091.286.600đ.

5.3. Ông Nguyễn Văn Lộng (Là đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuý) được chia tài sản là: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại: 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn: 73.035.316đ. Cộng: 797.426.416đ, làm tròn số là: 797.426.400đ.

5.4. Ông Đỗ Đình Đạt (Là đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy) được chia tài sản là: 219.106.000đ.

6. Giao tài sản cho các bên như sau:

6.1. Giao cho bà Đỗ Thị Toàn sử dụng 65,85m² đất ở có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trị giá 790.200.000đ. Và sở hữu các tài sản của gia đình ông Quynh có trên đất được giao có trị giá 20.387.200đ, (Bao gồm: 10,2m² bếp 5.243.500 đồng; 8m² mái tôn trước bếp 4.229.300 đồng; 4,6m² nhà tắm 2.369.000 đồng; 6,5m² mái tôn trước nhà tắm 2.643.400 đồng; 0,5m² miếu thờ 1.650.000 đồng; 50,9m² sân gạch 3.145.600 đồng; 3,36m² cánh cổng 806.400 đồng và 01 cây Cau cao 300.000 đồng). Tổng cộng là: 810.578.200đ. So với phần được chia thì quá 13.160.800đ, bà có trách nhiệm thanh toán cho các con của cụ Đỗ Văn Chuy (Do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận) bằng tiền mặt.

6.2. Giao cho ông Đỗ Trọng Quynh sở hữu, sử dụng tài sản có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội gồm: 81,1m² nhà ngói trị giá 81.392.000 đồng; 14,4m² bếp trị giá 7.402.600đ và 100m² đất ở trị giá 1.200.000.000 đồng, cộng là: 1.288.794.600đ. So với phần ông được chia thì quá 197.508.000đ, ông có trách nhiệm thanh toán các con của cụ Đỗ Văn Chuy (Do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận) bằng tiền mặt.

6.3. Giao cho ông Nguyễn Văn Lộng (Đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuy) sử dụng 65,85m² đất ở có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trị giá 790.200.000đ. Và sở hữu các tài sản của gia đình ông Quynh có trên đất được giao có trị giá 15.663.500đ, bao gồm: 9,3m² nhà bếp: 4.780.900 đồng; 12m² lán mái tôn trước bếp: 6.343.900 đồng; 35,9m² sân gạch: 2.218.600 đồng; 10,6m² tường gạch 2.140.100 đồng; 01 cây cau lùn 180.000 đồng). Tổng cộng là: 805.863.500đ. So với phần được chia thì quá 8.437.100đ, ông phải thanh toán các con của cụ Đỗ Văn Chuy (Do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận) bằng tiền mặt.

6.4. Giao cho ông Đỗ Đình Đạt (Là đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy) sở hữu tài sản là: 219.106.000đ do bà Đỗ Thị Toàn thanh toán 13.160.800đ; Ông Đỗ Trọng Quynh thanh toán 197.508.000đ và ông Nguyễn Văn Lộng thanh toán 8.437.100đ bằng tiền mặt.

7. Giao tài sản cho các bên như sau:

7.1. Giao cho bà Đỗ Thị Toàn sử dụng 65,85m² đất có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có các cạnh: Phía bắc giáp đất nhà ông Khoa có kích thước 3,3m; Phía nam giáp đường đi có kích thước 4,67m; Phía đông giáp đất nhà ông bà Phúc Lan có kích thước 16,40m; Phía tây giáp đất của các con ông Thuy được giao có kích thước 16,69m (Được giới hạn bởi các điểm: 3,4,5,6,3).

7.2. Giao cho ông Nguyễn Văn Lộng (Đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuy nhận) sử dụng 65,85m² đất có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có các cạnh: Phía bắc giáp đất nhà ông Khoa có kích thước 4,10m; Phía nam giáp đường đi có kích thước các đoạn từ đông sang tây là: 0,33m +

3,95m + 0,55m + 0,38m + 0,41m; Phía đông giáp đất bà Toàn được giao có kích thước 16,69m; Phía tây giáp đất ông Quýnh có kích thước các đoạn từ nam lên bắc là: 15,85m + 2,81m (Được giới hạn bởi các điểm: 3,6,7,8,9,10,11,14,2,3).

7.3. Giao cho ông Đỗ Trọng Quýnh sử dụng 100m² đất có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có các cạnh: Phía bắc giáp đất nhà ông Khoa có kích thước 5,69m; Phía nam giáp đường đi có kích thước các đoạn từ đông sang tây là: 6,03m + 0,74m; Phía đông giáp đất của các con ông Thuý được giao có kích thước các đoạn từ nam lên bắc là: 12,89m + 2,81m; Phía tây giáp đất nhà ông Uyển có kích thước 14,09m (Được giới hạn bởi các điểm: 1,2,14,11,12,13,1). (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

8. Bà Đỗ Thị Toàn, ông Nguyễn Văn Lộng (Là đại diện cho các con của ông Nguyễn Văn Thuý) và ông Đỗ trọng Quýnh có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất được chia theo bản án theo quy định của pháp luật về đất đai.

9. Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh Đông Anh - Phòng Giao dịch Vân Hà phải giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 503951 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày ngày 21 tháng 06 năm 2004 cho hộ gia đình ông Đỗ Trọng Quýnh; Ngày 12 tháng 07 năm 2016 Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đông Anh chứng nhận chị Đỗ Thị Thuý Quỳnh là chủ sử dụng để giải quyết việc có liên quan đến thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật về đất đai.

10. Tuyên hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế số công chứng 116/VBTTPCDS/2016 lập ngày 25 tháng 06 năm 2016 tại Văn phòng công chứng Đông Anh giữa ông Đỗ Trọng Quýnh, chị Đỗ Thị Thuý Quỳnh, chị Đỗ Thị Quyên, chị Đỗ Thị Quang và chị Đỗ Thị Hoàn vô hiệu.

11. Tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1017/VBTTPCDS/2016 lập ngày 25 tháng 06 năm 2016 tại Văn phòng công chứng Đông Anh giữa ông Đỗ Trọng Quýnh, chị Đỗ Thị Quyên, chị Đỗ Thị Quang, chị Đỗ Thị Hoàn và chị Đỗ Thị Thuý Quỳnh vô hiệu đối với diện tích 131,7m² đất có liên quan đến chia thừa kế cho bà Đỗ Thị Toàn và các con ông Nguyễn Văn Thuý (Do ông Nguyễn Văn Lộng đại diện nhận).

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Trọng Quýnh kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và bị đơn ông Đỗ Trọng Quýnh trình bày: Khi còn sống, các cụ đã tuyên bố cho ông Quýnh nhà đất đang tranh chấp. Việc các cụ tặng cho ông Quýnh không có văn bản nhưng ông là người thực tế sử dụng và đã được Nhà nước cấp GCN. Nếu cho rằng,

nhà đất tranh chấp là di sản thì ông Quýnh là người có nhiều công sức trong việc tôn tạo, quản lý di sản. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng trích tăng công sức cho ông Quýnh; công nhận một phần hợp đồng tặng cho giữa ông Quýnh và chị Quỳnh; cho ông Quýnh được nhận di sản là phần diện tích đất ở phía ngoài.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Toàn đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quỳnh trình bày: Chị thống nhất với ý kiến của ông Quýnh đã trình bày, trường hợp phải chia thừa kế chị đề nghị HĐXX trích tăng công sức cho ông Quýnh và chia cho ông Quýnh diện tích đất ở phía ngoài. Đối với khoản vay tại ngân hàng hiện chị đã tắt toán xong nhưng chưa nhận lại GCNQSDĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quyên, chị Quang, chị Hoàn thống nhất với ý kiến của ông Quýnh và chị Quỳnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Phan, bà Nguyễn Thị Tính, ông Lộng, ông Đạt, ông Thuyên đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HĐXX công bố lời khai của các đương sự vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2022/DS-ST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Trọng Quýnh nộp trong hạn luật định, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng: Các đương sự đều đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Đây là phiên tòa lần thứ hai, HĐXX xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 BLTTDS.

Tòa án nhân dân huyện Đông Anh không đưa Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh và Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đông Anh tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp mục 2 phần II Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc: Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính: “*Theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ thì, việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng (các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai) là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động,*

cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực”

Về nội dung:

Sinh thời, vợ chồng cụ Đỗ Văn Toại, cụ Nguyễn Thị Thực có 03 người con chung là: Ông Thúy, bà Toàn và ông Quýnh. Ông Thúy chết ngày 03/02/1996, có 04 người con là: Bà Hảo, ông Lộng, bà Hòa và bà Tý.

Sau khi cụ Thực chết, cụ Toại xây dựng gia đình với cụ Lê Thị Kỳ và có 05 người con chung là: Ông Quát, ông Chúc, bà Phan, ông Phát và bà Phan. Ông Quát, ông Chúc và bà Phan đều chết từ khi còn nhỏ, nay còn ông Phát và bà Phan.

Ban đầu bà Toàn, ông Phát và bà Phan đều khai thống nhất và xác định: Khi cụ Kỳ xây dựng gia đình với cụ Toại, bà Toàn và ông Quýnh đều còn nhỏ, hai cụ ở chung nhà với cụ Bốn và bà Toàn, ông Quýnh nhưng cụ Kỳ một mình tự làm ăn, nuôi dưỡng và chăm sóc các con đẻ của mình. Bà Toàn và ông Quýnh được cụ Toại và cụ Bốn nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Giữa bà Toàn, ông Quýnh và cụ Kỳ không có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Toàn có lời khai cho rằng bà và ông Quýnh được cụ Toại, cụ Kỳ chăm sóc, nuôi dưỡng lúc còn nhỏ. Sau này, cụ Kỳ ốm đau bà có về thăm hỏi, khi cụ Kỳ chết ông Phát và bà Phan không thông báo nên bà không biết để về chịu tang. Tuy nhiên, ông Phát, bà Phan và bà Tính không công nhận lời khai đó của bà Toàn, còn khẳng định: Khi còn trẻ, cụ Kỳ đi nuôi du kích bị giặc Pháp bắn vào chân và thành tật, sức khoẻ rất yếu. Cụ Kỳ lấy cụ Toại không được mẹ chồng là cụ Bốn và các chú bác họ bên nhà chồng chấp nhận còn hắt hủi, không công nhận ông Phát, bà Phan là con cụ Toại. Cụ Toại là giáo viên tuy có lương hàng tháng, nhưng chỉ tập trung cho cụ Bốn nuôi chị em bà Toàn, ông Quýnh, mẹ con cụ Kỳ không được nhờ. Hơn nữa, trong mấy năm cụ sinh liền 05 người con, chỉ có một mình làm lụng để nuôi các con cũng rất khó khăn vất vả, thường phải nhờ sự giúp đỡ của bên ngoại mới có ăn thì cụ không thể nuôi dưỡng lúc bà Toàn, ông Quýnh còn bé được. Mặt khác, tại “Biên bản họp gia đình ngày 05 tháng 09 năm 1981” do ông Đỗ Đình Đạt giao nộp tại Tòa án thể hiện: Giữa ông Quýnh và mẹ con cụ Kỳ xảy ra mâu thuẫn căng thẳng trong nhiều năm, ông Phát cầm dao đe dọa chém, giết ông Quýnh, cho thấy lời khai ban đầu của bà Toàn và lời khai tại Tòa án của ông Phát, bà Phan và bà Tính xác định giữa bà Toàn, ông Quýnh và cụ Kỳ không có quan hệ nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và có căn cứ. Như vậy, giữa cụ Kỳ với bà Toàn, ông Quýnh không có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau nên không được hưởng thừa kế về tài sản của nhau.

Về người thừa kế và hàng thừa kế:

- Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị Thực có 04 người gồm chồng và các con của cụ là: Cụ Toại, ông Thúy, bà Toàn và ông Quýnh.

- Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Toại có 07 người gồm mẹ đẻ, vợ và các con của cụ là: Cụ Bốn, cụ Kỳ, ông Thúy, bà Toàn, ông Quýnh, ông Phát và bà Phan.

- Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Kỳ có 02 người con đẻ của cụ là ông Phát và bà Phan.

Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu thừa kế:

- Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Thực là ngày 24/8/1950; thời điểm mở thừa kế của cụ Đỗ Văn Toại là ngày 01/3/1978; thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Thị Kỳ là ngày 02/5/2009.

+ Cụ Nguyễn Thị Bốn chết ngày 23/10/1979 là chết sau cụ Toại. Tại thời điểm cụ Bốn chết, có 05 người con của cụ còn sống là các cụ: Đỗ Văn Chuy, Đỗ Văn Toại, Đỗ Thị Đạo, Đỗ Thị Đức và Đỗ Thiện Thuật.

Cụ Chuy chết năm 1953, có 04 người con là: Ông Đỗ Văn Thoan, ông Đỗ Đình Đạt, bà Đỗ Thị Thiệu và ông Đỗ Văn Tạo (đã chết năm 2010).

Cụ Thuật đã già yếu do ông Đỗ Quang Tôn là con trai trưởng đại diện và làm giám hộ.

Cụ Đỗ Thị Đạo có 05 người con hiện đang còn sống là: Ông Đào Đình Luân, ông Đào Đình Canh, ông Đào Quang Tuệ, bà Đào Thị Tâm và bà Đào Thị Sự.

Cụ Đỗ Thị Đức có 05 người con là: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Thanh Long, ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Hải.

Ông Nguyễn Văn Thúc (Tức Đỗ Văn Thúc) chết ngày 03/02/1996, có các con hiện đang còn sống là: Bà Nguyễn Thị Hảo, ông Nguyễn Văn Lộng, bà Nguyễn Thị Tý và bà Nguyễn Thị Hòa.

+ Cụ Lê Văn Khôi và cụ Ngô Thị Nhi là bố mẹ đẻ cụ Lê Thị Kỳ đều chết trước cụ Kỳ.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ ngày Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 có hiệu lực là ngày 10/9/1990. Bà Toàn nộp đơn khởi kiện chia thừa kế đến Tòa án từ tháng 08/2019 là còn trong thời hiệu mở thừa kế của vợ chồng cụ Toại.

Tại lời khai ngày 19/4/2022, ông Đỗ Đình Đạt cho rằng: Tài sản là nhà, đất gia đình ông Quýnh đang quản lý, sử dụng là của ông bà nội ông là cụ Đỗ Quang Tiến, cụ Nguyễn Thị Bốn để lại cho cụ Toại và cụ Thực. Ông không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Toàn, đề nghị được giữ lại để làm nơi thờ cúng tổ tiên, các cụ trong gia đình. Nhận thấy: Cụ Đỗ Quang Tiến chết năm 1961, cụ Nguyễn Thị Bốn chết năm 1979, đến nay đều đã hơn 30 năm. Ngày 27/4/2022, ông Đạt mới đưa ra yêu cầu nêu trên là ngoài thời hiệu thừa kế của vợ chồng cụ Tiến, cụ Bốn nên không được chấp nhận.

Cụ Toại, cụ Thực và cụ Kỳ chết đều không để lại di chúc về tài sản, tài sản thừa kế của các cụ được chia cho những người cùng hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật, quy định tại các Điều 649, 650, 651 và 652 BLDS 2015.

Về di sản thừa kế: Các đương sự tranh chấp về thừa kế tài sản là: Quyền sử dụng đất thổ cư số 115, tờ bản đồ số 02, diện tích 247m² (thực đo là 231,7m²) hiện đang do gia đình ông Quýnh quản lý, sử dụng. Và thửa đất số 3, tờ bản đồ số F-48A 104 (236-11), diện tích thực đo là 568,1m² hiện đang do hai gia đình ông Phát, bà Phan và ông Văn đang quản lý, sử dụng.

* Đối với thửa đất ở số 115, tờ bản đồ số 02, thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà gia đình ông Quýnh đang quản lý, sử dụng. Các đương sự trong vụ án đều khai nhận nguồn gốc thửa đất, ngôi nhà ngôi gỗ lim là của các cụ trong gia đình để lại cho cụ Toại, cụ Thực. Sau khi cụ Thực chết, cụ Toại lấy cụ Kỳ nên cụ Kỳ cũng có quyền về tài sản chung với cụ Toại theo quy định tại Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959. Như vậy, khi cụ Thực, cụ Toại và cụ Kỳ chết đã phát sinh quyền thừa kế về tài sản đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

Quá trình quản lý, sử dụng nhà đất, gia đình ông Quýnh đã kê khai đăng ký chủ sử dụng và làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã Vân Hà xác nhận đồng ý và Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 503951 mang tên ông Đỗ Trọng Quýnh là chủ hộ sử dụng ngày 21/6/2004.

Ngày 25/6/2016, ông Quýnh cùng các con là: Chị Quỳnh, chị Quyên, chị Quang và chị Hoàn lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Vần số công chứng 116/VBTTTPCDS/2016 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1017/HĐTC/2016, tại Văn phòng công chứng Đông Anh. Theo đó, chị Quỳnh được cho tặng sử dụng toàn bộ thửa đất.

Xét việc gia đình ông Đỗ Trọng Quýnh công chứng cho tặng quyền sử dụng đất để từ đó chị Quỳnh đăng ký biến động thửa đất sang cho chị trong khi tại Hội nghị hòa giải do Ủy ban nhân dân xã Vân Hà tổ chức, ông Quýnh đã thừa nhận thửa đất có nguồn gốc của cha ông để lại và đang có tranh chấp với bà Toàn, không được sự đồng ý của các đồng thừa kế là là xâm phạm đến quyền thừa kế về tài sản của họ, do đó, các văn bản công chứng bị vô hiệu về nội dung. Bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu đối với các văn bản công chứng và xác định quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Toại, cụ Thực và cụ Kỳ để chia thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

* Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá xác định:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, diện tích 231,7m² đất (thực đo) 12.000.000đ/1m²: 2.780.400.000 đồng.

- Tài sản có trên đất trị giá: 81,1m² nhà ngói 05 gian 81.392.000đ; 33,9m² bếp 17.427.000đ; 20m² mái tôn trước bếp 10.573.200đ; 4,6m² nhà tắm 2.369.000đ; 6,5m² mái tôn trước nhà tắm 2.643.400đ; 86,8m² sân gạch 5.364.200đ; 0,5m² miếu thờ 1.650.000đ; 10,6m² tường phía Tây 2.140.100đ; 3,36m² cánh cổng sắt 806.400đ; 01 cây cau cao 300.000đ; 01 cây cau lùn 180.000đ. Tổng là 124.845.300đ

Trong đó, xác định ngôi nhà ngói là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Toại có trị giá 81.392.000 đồng. Các công trình còn lại là tài sản của gia đình ông Quýnh có trị giá 43.453.300 đồng.

* Đối với thửa đất nông nghiệp hiện đang do hai gia đình ông Phát, bà Phan quản lý, sử dụng:

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng, mục đích sử dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ số 236-11 thôn Thiết Ứng ngày 03/06/2021 và Công văn số 98/UBND ngày 04/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vân Hà gửi Tòa án có nội dung xác định: “...Diện tích đất hai gia đình

ông Phát và bà Phan sử dụng tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 236-11 là đất sản xuất nông nghiệp của bà Lê Thị Kỳ, sinh năm 1921, không có hồ sơ thể hiện số tờ, số thửa và diện tích cụ thể mà hộ gia đình sử dụng. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp với các hộ liền kề”.

Tại Công văn số 1570/QLĐT-QH ngày 06/07/2021 của Phòng Quản lý Đô thị huyện Đông Anh gửi Tòa án xác định: “Về quy hoạch: Một phần khu đất nằm trong ranh giới quy hoạch điểm dân cư nông thôn xã Vân Hà, tỷ lệ 1/2000 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 4478/QĐ-UBND ngày 20/10/2010, được định hướng chức năng là đất đường giao thông và hành lang tuyến điện 22Kv theo quy hoạch (có sơ đồ vị trí kèm theo), phần còn lại định hướng chức năng sử dụng đất là đất sản xuất nông nghiệp (theo Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội được phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ”.

Như vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất nêu trên có mục đích sản xuất nông nghiệp và là tài sản riêng của cụ Lê Thị Kỳ, không liên quan đến cụ Đỗ Văn Toại. Bà Toàn yêu cầu đưa diện tích đất này vào di sản của cụ Toại để chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận. Giữa các bên liên quan là ông Đỗ Văn Phát, bà Đỗ Thị Phan và ông Đào Đình Văn không tranh chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên nên Tòa án không xét.

Về phân chia di sản thừa kế:

Xác định tài sản chung của vợ chồng cụ Toại, cụ Thực và cụ Kỳ có là: 231,7m² đất ở (thực đo) trị giá 2.780.400.000 đồng và ngôi nhà ngôi 05 gian trị giá 81.392.000 đồng. Tổng cộng là: 2.861.792.000đ.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Phát và bà Phan có quan điểm tự nguyện không yêu cầu chia hưởng thừa kế nhà, đất gia đình ông Quýnh đang quản lý, sử dụng mà để cho các con cụ Thực chia nhau khi Tòa án công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp là tài sản riêng của cụ Kỳ. Xét quan điểm đó của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định nên ghi nhận.

Tài sản là nhà, đất nêu trên được chia cho cụ Toại và cụ Thực mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ là: 1.430.896.000đ. Trích cho cụ Toại hưởng công sức trong việc quản lý, duy trì tài sản và lo tang ma cho cụ Thực có trị giá tương đương với một kỷ phần thừa kế là: 1.430.896.000đ: 5 = 286.179.200 đồng. Tài sản của cụ Thực còn để chia thừa kế là: 1.144.716.800 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Thực là ngày 03/11/1950, cụ không để lại di chúc. Tài sản được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người là: Cụ Toại, ông Thúy, bà Toàn và ông Quýnh với kỷ phần của mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 1.144.716.800đ: 4 = 286.179.200 đồng.

Cụ Toại có tài sản là: $\frac{1}{2}$ tài sản chung với cụ Thực 1.430.896.000đ; trích hưởng công sức 286.179.200đ; 1 kỷ phần thừa kế của cụ Thực 286.179.200đ. Tổng là 2.003.254.400đ.

Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho vợ chồng ông Quýnh, bà Văn trong việc tôn tạo, nâng cấp và quản lý, duy trì tài sản thừa kế của cụ Toại trong 43 năm (từ năm 1979 đến 2022) bằng 01 kỷ phần thừa kế là: 2.003.258.600 đồng: 8 = 250.406.800 đồng là phù hợp. Tài sản của cụ Toại có tổng giá trị là: 1.752.847.600 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Toại là ngày 28/02/1978, cụ không để lại di chúc. Tài sản được chia cho hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ gồm mẹ, vợ và các con của cụ là 07 người.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phát, bà Phan không yêu cầu chia hưởng thừa kế phần tài sản của cụ Bốn, cụ Kỳ. Tài sản của cụ Toại được chia cho 04 người là: Cụ Bốn, ông Thúc, bà Toàn và ông Quýnh mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 1.752.847.600đ: 4 = 438.211.900 đồng.

- Cụ Bốn chết ngày 03/09/1979, tài sản của cụ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ là: Cụ Thuật, cụ Chuy, cụ Đạo và cụ Đức.

Ông Tôn đại diện cho cụ Thuật có lời khai từ chối nhận tài sản được chia của cụ Bốn mà để cho các con cụ Toại chia nhau; các con cụ Đạo là: Ông Luân, ông Canh, ông Tuệ, bà Tâm và bà Sự cùng với các con của cụ Đức là: Bà Vân, ông Long, ông Ngọc, bà Thủy và bà Hải cùng có quan điểm không yêu cầu hưởng tài sản của cụ Bốn mà để cho các con của cụ Chuy, cụ Toại và cụ Thuật chia nhau. Xét quan điểm đó của các ông bà là tự nguyện phù hợp với pháp luật nên được ghi nhận. Tài sản của cụ Bốn được chia làm 02 phần cho các con của cụ Chuy và các con của cụ Toại, cụ Thực chia nhau mỗi bên hưởng một phần bằng nhau là: 438.211.900đ: 2 = 219.105.950 đồng. Phần của vợ chồng cụ Toại, cụ Thực được chia cho bà Toàn, ông Thúc và ông Quýnh mỗi người hưởng một phần bằng nhau là 219.105.950đ: 3 = 73.035.316 đồng. Phần của cụ Chuy do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận.

- Bà Toàn được chia tài sản là: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn 73.035.316đ. Tổng là 797.426.416đ, làm tròn số là: 797.426.400đ.

- Ông Quýnh được chia tài sản là: Trích hưởng công sức 250.406.800đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn 73.035.316đ. Tổng là 1.047.833.216đ, làm tròn số là: 1.047.833.200đ.

- Ông Thúc được chia tài sản là: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn 73.035.316đ. Tổng là 797.426.416đ, làm tròn số là: 797.426.400đ.

Các con ông Thúc thỏa thuận để cho ông Lộng đại diện nhận phần tài sản của ông Thúc được chia, quan điểm đó của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được ghi nhận.

- Ông Đỗ Đình Đạt (Là đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy) được chia tài sản là: 219.105.950đ, làm tròn số là: 219.106.000đ.

Chia bằng hiện vật:

Bà Toàn và các con ông Thúc có quan điểm được nhận tài sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để sử dụng. Diện tích đất đủ điều kiện để chia bằng hiện vật nên chia bằng hiện vật cho các thừa kế. Khi giao tài sản là hiện vật cho các bên sở hữu, sử dụng có chênh lệch nhưng không đáng kể nên không phải thanh toán cho nhau bằng tiền.

Bà Đỗ Thị Toàn, ông Nguyễn Văn Lộng và ông Đỗ Trọng Quýnh có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo bản án theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại cấp phúc thẩm đại diện ngân hàng có văn bản xác định hiện khoản vay của ông Đàm Hồng Sỹ tại ngân hàng đã được tắt toán, ngân hàng đã tiến hành giải chấp tài sản, tuy nhiên chị Quỳnh xác nhận tại phiên tòa hiện chị chưa nhận lại GCN. Do đó, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh Đông Anh Phòng Giao dịch Vân Hà và chị Quỳnh phải giao nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh số W503951 cấp ngày ngày 21/6/2004 cho hộ gia đình ông Đỗ Trọng Quýnh (Ngày 12/7/2016 Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đông Anh chứng nhận chị Đỗ Thị Thúy Quỳnh là chủ sử dụng) để giải quyết việc có liên quan đến thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Trọng Quýnh.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Đỗ Trọng Quýnh

Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Toàn, bị đơn ông Đỗ Trọng Quýnh.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Đình Đạt (Đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy).

Ông Nguyễn Văn Lộng (Là đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuý) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng.

Vì các lẽ trên, áp dụng Khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2022/DS-ST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều: 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 và 660 BLDS 2015;
- Điều 100 và Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điểm a Khoản 2, Khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật Thi hành án dân sự 2014.

Xử

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện thừa kế về tài sản của bà Đỗ Thị Toàn đối với ông Đỗ Trọng Quýnh.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Toàn về chia thừa kế đối với diện tích 488m² đất nông nghiệp có trị giá 65.880.000đ (tại thửa số 3, tờ bản đồ

số F-48A 104 (236-11), thuộc địa chỉ: Đồng Lối, thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

3. Xác định vợ chồng cụ Đỗ Văn Toại, cụ Nguyễn Thị Thực và cụ Lê Thị Kỳ có tài sản chung là quyền sử dụng 231,7m² đất ở (thực đo) có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, trị giá: 2.780.400.000đ và ngôi nhà ngói 05 gian trị giá: 81.392.000đ. Tổng cộng là: 2.861.792.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn Phát và bà Đỗ Thị Phan không yêu cầu chia hưởng thừa kế tài sản của cụ Lê Thị Kỳ.

Tài sản được chia cho cụ Đỗ Văn Toại và cụ Nguyễn Thị Thực mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ là: 1.430.896.000đ.

4. Xác định di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế và phân chia di sản thừa kế như sau:

4.1. Cụ Nguyễn Thị Thực có tài sản là: 1.430.896.000đ. Trích cho cụ Toại hưởng công sức trong việc bảo quản, duy trì tài sản của cụ Thực bằng 01 kỷ phần thừa kế là: 286.179.200đ. Tài sản của cụ Thực còn để chia là: 1.144.716.800đ.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Thực là ngày 03/11/1950, cụ không để lại di chúc, chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ gồm 04 người là: Cụ Đỗ Văn Toại, ông Nguyễn Văn Thúc, bà Đỗ Thị Toàn và ông Đỗ Trọng Quýnh mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 286.179.200đ.

4.2. Cụ Đỗ Văn Toại có tài sản là: $\frac{1}{2}$ tài sản chung với cụ Thực 1.430.896.000đ; trích hưởng công sức 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực 286.179.200đ. Tổng là 2.003.254.400đ.

Trích công sức cho gia đình ông Đỗ Trọng Quýnh trong việc tôn tạo, nâng cấp và quản lý, duy trì tài sản thừa kế của cụ Toại tương đương 01 kỷ phần thừa kế là: 250.406.800đ. Tài sản của cụ Toại còn để chia thừa kế là: 1.752.847.600đ.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Toại là ngày 28/02/1978, cụ không để lại di chúc, chia thừa kế theo pháp luật cho 07 người là: Cụ Bốn, cụ Kỳ, ông Thúc, bà Toàn, ông Quýnh, ông Phát và bà Phan.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phát, bà Phan không yêu cầu chia hưởng thừa kế tài sản của cụ Toại, cụ Kỳ. Tài sản của cụ Toại được chia cho 04 người là: Cụ Bốn, ông Thúc, bà Toàn và ông Quýnh mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 1.752.847.600đ: 4 = 438.211.900đ.

- Cụ Nguyễn Thị Bốn chết ngày 03/9/1979, cụ không để lại di chúc chia thừa kế theo pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của: Cụ Đỗ Thiện Thuật (do ông Đỗ Quang Tôn làm giám hộ); ông Đào Đình Luân, ông Đào Đình Canh, ông Đào Quang Tuệ, bà Đỗ Thị Tâm, bà Đỗ Thị Sự (các con của cụ Đỗ Thị Đạo); bà Nguyễn Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Thành Long, ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Hải (các con của cụ Đỗ Thị Đức) không yêu cầu chia hưởng tài sản của cụ Nguyễn Thị Bốn. Tài sản của cụ Bốn được chia cho cụ Đỗ Văn Chuy (do ông Đỗ Đình Đạt đại diện) và các con của cụ Toại là: Ông

Nguyễn Văn Thuý, bà Đỗ Thị Toàn, ông Đỗ Trọng Quýnh mỗi bên hưởng một phần bằng nhau là 219.105.950đ.

Bà Toàn, ông Thuý (do ông Lộng đại diện nhận) và ông Quýnh mỗi người hưởng 1/3 là: 219.105.950đ: 3 = 73.035.316đ.

5. Các bên được chia tài sản như sau:

5.1. Bà Đỗ Thị Toàn được chia tài sản là: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn 73.035.316đ. Tổng là 797.426.416đ, làm tròn số là 797.426.400đ.

5.2. Ông Đỗ Trọng Quýnh được chia tài sản là: Trích hưởng công sức 250.406.800đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn 73.035.316đ. Tổng là 1.047.833.216đ, làm tròn số là: 1.047.833.200đ.

Tổng cộng tài sản ông Đỗ Trọng Quýnh có là: Tài sản được chia hưởng thừa kế: 1.047.833.300đ; tài sản gia đình ông có trên đất 43.453.300đ. Tổng là: 1.091.286.600đ

5.3. Ông Nguyễn Văn Lộng (là đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuý) được chia tài sản là: 01 kỷ phần thừa kế của cụ Thực: 286.179.200đ; 01 kỷ phần thừa kế của cụ Toại: 438.211.900đ; 01 phần thừa kế của cụ Bốn 73.035.316đ. Tổng là 797.426.416đ, làm tròn số là: 797.426.400đ.

5.4. Ông Đỗ Đình Đạt (là đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy) được chia tài sản là: 219.106.000đ.

6. Giao tài sản cho các bên như sau:

6.1. Giao bà Đỗ Thị Toàn sử dụng 65,85m² đất ở có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội trị giá 790.200.000đ. Sở hữu các tài sản của gia đình ông Quýnh có trên đất được giao có trị giá 20.387.200đ. Bao gồm: 10,2m² bếp 5.243.500 đồng; 8m² mái tôn trước bếp 4.229.300 đồng; 4,6m² nhà tắm 2.369.000 đồng; 6,5m² mái tôn trước nhà tắm 2.643.400 đồng; 0,5m² miếu thờ 1.650.000 đồng; 50,9m² sân gạch 3.145.600 đồng; 3,36m² cánh cổng 806.400 đồng và 01 cây cau cao 300.000 đồng. Tổng cộng là: 810.578.200đ. So với phần được chia dư 13.160.800đ, bà có trách nhiệm thanh toán cho các con của cụ Đỗ Văn Chuy (Do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận) bằng tiền mặt.

6.2. Giao cho ông Đỗ Trọng Quýnh sở hữu, sử dụng tài sản có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội gồm: 81,1m² nhà ngói trị giá 81.392.000 đồng; 14,4m² bếp trị giá 7.402.600đ và 100m² đất ở trị giá 1.200.000.000 đồng, cộng là: 1.288.794.600đ. So với phần ông được chia dư 197.508.000đ, ông có trách nhiệm thanh toán các con của cụ Đỗ Văn Chuy (Do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận) bằng tiền mặt.

6.3. Giao cho ông Nguyễn Văn Lộng (đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuý) sử dụng 65,85m² đất ở có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội trị giá 790.200.000đ. Sở hữu các tài sản của gia đình ông Quýnh có trên đất được giao có trị giá 15.663.500đ, bao gồm: 9,3m² nhà bếp: 4.780.900

đồng; 12m² lán mái tôn trước bếp: 6.343.900 đồng; 35,9m² sân gạch: 2.218.600 đồng; 10,6m² tường gạch 2.140.100 đồng; 01 cây cau lùn 180.000 đồng). Tổng cộng là: 805.863.500đ. So với phần được chia dư 8.437.100đ ông phải thanh toán các con của cụ Đỗ Văn Chuy (Do ông Đỗ Đình Đạt đại diện nhận) bằng tiền mặt.

6.4. Ông Đỗ Đình Đạt (là đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy) được nhận 219.106.000đ do bà Đỗ Thị Toàn thanh toán 13.160.800đ (ông Đỗ Trọng Quỳnh thanh toán 197.508.000đ và ông Nguyễn Văn Lộng thanh toán 8.437.100đ bằng tiền mặt).

7. Giao tài sản cho các bên như sau:

7.1. Giao cho bà Đỗ Thị Toàn sử dụng 65,85m² đất có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội có các cạnh: Phía Bắc giáp đất nhà ông Khoa có kích thước 3,3m; Phía Nam giáp đường đi có kích thước 4,67m; Phía Đông giáp đất nhà ông bà Phúc Lan có kích thước 16,40m; Phía Tây giáp đất của các con ông Thuý được giao có kích thước 16,69m (được giới hạn bởi các điểm: 3,4,5,6,3).

7.2. Giao cho ông Nguyễn Văn Lộng (đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thuý nhận) sử dụng 65,85m² đất có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội có các cạnh: Phía Bắc giáp đất nhà ông Khoa có kích thước 4,10m; Phía Nam giáp đường đi có kích thước các đoạn từ Đông sang Tây là: 0,33m + 3,95m + 0,55m + 0,38m + 0,41m; Phía Đông giáp đất bà Toàn được giao có kích thước 16,69m; Phía Tây giáp đất ông Quỳnh có kích thước các đoạn từ Nam lên Bắc là: 15,85m + 2,81m (Được giới hạn bởi các điểm: 3,6,7,8,9,10,11,14,2,3).

7.3. Giao cho ông Đỗ Trọng Quỳnh sử dụng 100m² đất có trong thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội có các cạnh: Phía Bắc giáp đất nhà ông Khoa có kích thước 5,69m; Phía Nam giáp đường đi có kích thước các đoạn từ Đông sang Tây là: 6,03m + 0,74m; Phía Đông giáp đất của các con ông Thuý được giao có kích thước các đoạn từ Nam lên Bắc là: 12,89m + 2,81m; Phía Tây giáp đất nhà ông Uyển có kích thước 14,09m (Được giới hạn bởi các điểm: 1,2,14,11,12,13,1). (có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

8. Bà Đỗ Thị Toàn, ông Nguyễn Văn Lộng (là đại diện cho các con của ông Nguyễn Văn Thuý) và ông Đỗ trọng Quỳnh có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất được chia theo bản án theo quy định của pháp luật về đất đai.

9. Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh Đông Anh - Phòng Giao dịch Vân Hà và chị Đỗ Thị Thuý Quỳnh phải giao nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 503951 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày ngày 21 tháng 06 năm 2004 cho hộ gia đình ông Đỗ Trọng Quỳnh; Ngày 12 tháng 07 năm 2016 Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Đông Anh chứng nhận chị Đỗ Thị Thuý Quỳnh là chủ sử dụng để giải quyết việc có liên quan đến thửa đất số 115, tờ bản đồ số 02, thuộc địa chỉ: Thôn

Thiết Úng, xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật về đất đai.

10. Tuyên hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế số công chứng 116/VBTTPCDS/2016 lập ngày 25 tháng 06 năm 2016 tại Văn phòng công chứng Đông Anh giữa ông Đỗ Trọng Quýnh, chị Đỗ Thị Thúy Quỳnh, chị Đỗ Thị Quyên, chị Đỗ Thị Quang và chị Đỗ Thị Hoàn vô hiệu.

11. Tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1017/VBTTPCDS/2016 lập ngày 25 tháng 06 năm 2016 tại Văn phòng công chứng Đông Anh giữa ông Đỗ Trọng Quýnh, chị Đỗ Thị Quyên, chị Đỗ Thị Quang, chị Đỗ Thị Hoàn và chị Đỗ Thị Thúy Quỳnh vô hiệu đối với diện tích 131,7m² đất có liên quan đến chia thừa kế cho bà Đỗ Thị Toàn và các con ông Nguyễn Văn Thúy (do ông Nguyễn Văn Lộng đại diện nhận).

12. Về án phí:

12.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đỗ Trọng Quýnh.

12.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Toàn, ông Đỗ Trọng Quýnh được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Lộng (Là đại diện cho các con ông Nguyễn Văn Thúy) phải nộp 35.608.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đỗ Đình Đạt (đại diện cho các con cụ Đỗ Văn Chuy) được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh